

Phụ lục I: BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH CÁC NỘI DUNG SỬA LUẬT THUẾ TNDN
(Dự thảo kèm Tờ trình Chính phủ số 04/Tr-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2013)

Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12	Dự Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN ¹
<p align="center">Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</p>	
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:</p>
<p>Điều 2. Người nộp thuế</p> <p>1. Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật này (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:</p> <p>a) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>b) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam;</p> <p>c) Tổ chức được thành lập theo Luật hợp tác xã;</p> <p>d) Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>đ) Tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập.</p> <p>2. Doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:</p> <p>a) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam và thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài Việt Nam;</p> <p>b) Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam và thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài Việt Nam liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú đó;</p> <p>c) Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam mà khoản thu nhập này không liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú;</p>	

¹ Phần chữ có gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung; phần chữ có gạch ngang là nội dung đề nghị bãi bỏ.

<p>d) Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.</p> <p>3. Cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài là cơ sở sản xuất, kinh doanh mà thông qua cơ sở này, doanh nghiệp nước ngoài tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mang lại thu nhập, bao gồm:</p> <p>a) Chi nhánh, văn phòng điều hành, nhà máy, công xưởng, phương tiện vận tải, hầm mỏ, mỏ dầu, khí hoặc địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên khác tại Việt Nam;</p> <p>b) Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp;</p> <p>c) Cơ sở cung cấp dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn thông qua người làm công hay một tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>d) Đại lý cho doanh nghiệp nước ngoài;</p> <p>đ) Đại diện tại Việt Nam trong trường hợp là đại diện có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài hoặc đại diện không có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài nhưng thường xuyên thực hiện việc giao hàng hoá hoặc cung ứng dịch vụ tại Việt Nam.</p>	
<p>Điều 3. Thu nhập chịu thuế</p> <p>1. Thu nhập chịu thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản; thu nhập từ lãi tiền gửi, cho vay vốn, bán ngoại tệ; hoàn nhập các khoản dự phòng; thu khoản nợ khó đòi đã xoá nay đòi được; thu khoản nợ phải trả không xác định được chủ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót và các khoản thu nhập khác, kể cả thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam.</p>	<p>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:</p> <p>"2. Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; thu nhập từ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản; thu nhập từ lãi tiền gửi, cho vay vốn; bán ngoại tệ; hoàn nhập các khoản dự phòng; thu khoản nợ khó đòi đã xoá nay đòi được; thu khoản nợ phải trả không xác định được chủ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót và các khoản thu nhập khác, kể cả thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam".</p>
<p>Điều 4. Thu nhập được miễn thuế</p> <p>1. Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của tổ chức được thành lập theo Luật hợp tác xã.</p> <p>2. Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp.</p> <p>3. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam.</p> <p>4. Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp</p>	<p>2. Bổ sung khoản 8, khoản 9, khoản 10 vào Điều 4 như sau:</p> <p>"... 8. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giám phát thải (CERs) của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giám phát thải;</p> <p>9. Thu nhập từ hoạt động tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước của Ngân hàng Phát triển Việt Nam; thu nhập từ hoạt động tín dụng cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác của Ngân hàng chính sách xã hội;</p>

¹ Phần chữ có gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung; phần chữ có gạch ngang là nội dung đề nghị bãi bỏ.

<p>dành riêng cho lao động là người tàn tật, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV. Chính phủ quy định tiêu chí, điều kiện xác định doanh nghiệp dành riêng cho lao động là người tàn tật, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV.</p> <p>5. Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội.</p> <p>6. Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp trong nước, sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này.</p> <p>7. Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hoá, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.</p>	<p>10. <u>Phần thu nhập của cơ sở giáo dục đại học tư thục để lại để đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học, cho các hoạt động giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, viên chức, cán bộ quản lý giáo dục, phục vụ cho hoạt động học tập và sinh hoạt của người học hoặc cho các mục đích từ thiện, thực hiện trách nhiệm xã hội của cơ sở đó theo quy định tại Điều 66 Luật Giáo dục đại học năm 2012"</u>.</p>
<p>Điều 5. Kỳ tính thuế</p> <p>1. Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài được quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 2 của Luật này.</p>	
<p>Chương II CĂN CỨ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ</p>	
<p>Điều 6. Căn cứ tính thuế</p> <p>Căn cứ tính thuế là thu nhập tính thuế và thuế suất.</p>	
<p>Điều 7. Xác định thu nhập tính thuế</p> <p>1. Thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ thu nhập được miễn thuế và các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước.</p> <p>2. Thu nhập chịu thuế bằng doanh thu trừ các khoản chi được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh công thu nhập khác, kể cả thu nhập nhận được ở ngoài Việt Nam.</p> <p>3. Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế.</p> <p>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.</p>	<p>3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:</p> <p>"3. Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế, được bù trừ lãi, lỗ của các hoạt động này với nhau; trường hợp sau khi bù trừ mà vẫn còn lỗ thì số lỗ này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế.</p> <p>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này".</p>
<p>Điều 8. Doanh thu</p> <p>Doanh thu là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ, trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng. Doanh thu được tính bằng đồng Việt Nam; trường hợp có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà</p>	

¹ Phần chữ có gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung; phần chữ có gạch ngang là nội dung đề nghị bãi bỏ.

<p>nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.</p>	<p>4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:</p> <p>“Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</p> <p>1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Các khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>b) Các khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. <u>Đối với hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các trường hợp không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Chính phủ.</u></p> <p>2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:</p> <p>a) Khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, trừ phần giá trị tồn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường;</p> <p>b) Khoản tiền phạt do vi phạm hành chính;</p> <p>c) Khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác;</p> <p>d) Phần chi phí quản lý kinh doanh do doanh nghiệp nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam vượt mức tính theo phương pháp phân bổ do pháp luật Việt Nam quy định;</p> <p>đ) Phần chi vượt mức theo quy định của pháp luật về trích lập dự phòng;</p> <p>e) Phần chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa vượt định mức tiêu hao do doanh nghiệp xây dựng, thông báo cho cơ quan thuế và giá thực tế xuất kho;</p>
<p>Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</p> <p>1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:</p> <p>a) Khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, trừ phần giá trị tồn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường;</p> <p>b) Khoản tiền phạt do vi phạm hành chính;</p> <p>c) Khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác;</p> <p>d) Phần chi phí quản lý kinh doanh do doanh nghiệp nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam vượt mức tính theo phương pháp phân bổ do pháp luật Việt Nam quy định;</p> <p>đ) Phần chi vượt mức theo quy định của pháp luật về trích lập dự phòng;</p>	<p>Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</p> <p>1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:</p> <p>a) Khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, trừ phần giá trị tồn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường;</p> <p>b) Khoản tiền phạt do vi phạm hành chính;</p> <p>c) Khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác;</p> <p>d) Phần chi phí quản lý kinh doanh do doanh nghiệp nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam vượt mức tính theo phương pháp phân bổ do pháp luật Việt Nam quy định;</p> <p>đ) Phần chi vượt mức theo quy định của pháp luật về trích lập dự phòng;</p>

¹ Phần chữ có gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung; phần chữ có gạch ngang là nội dung đề nghị bãi bỏ.

e) Phần chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa vượt định mức tiêu hao do doanh nghiệp xây dựng, thông báo cho cơ quan thuế và giá thực tế xuất kho;

g) Phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay;

h) Trích khấu hao tài sản cố định không đúng quy định của pháp luật;

i) Khoản trích trước vào chi phí không đúng quy định của pháp luật;

k) Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân; thù lao trả cho sáng lập viên doanh nghiệp không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh; tiền lương, tiền công, các khoản hạch toán khác để trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả hoặc không có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;

l) Chi trả lãi tiền vay vốn tương ứng với phần vốn điều lệ còn thiếu;

m) Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ, thuế thu nhập doanh nghiệp;

n) Phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị; chi hỗ trợ tiếp thị, chi hỗ trợ chi phí, chiết khấu thanh toán; chi báo biểu, báo tặng của cơ quan báo chí liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh vượt quá 10% tổng số chi được trừ; đối với doanh nghiệp thành lập mới là phần chi vượt quá 15% trong ba năm đầu, kể từ khi được thành lập. Tổng số chi được trừ không bao gồm các khoản chi quy định tại điểm này; đối với hoạt động thương mại, tổng số chi được trừ không bao gồm giá mua của hàng hoá bán ra;

e g) Phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế, vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố;

g h) Trích khấu hao tài sản cố định không đúng quy định của pháp luật;

h i) Các khoản trích trước vào chi phí không đúng quy định của pháp luật; i k) Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân; thù lao trả cho sáng lập viên doanh nghiệp không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh; tiền lương, tiền công, các khoản hạch toán chi khác để trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả hoặc không có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;

k l) Chi trả lãi tiền vay vốn tương ứng với phần vốn điều lệ còn thiếu;

l m) Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ, thuế thu nhập doanh nghiệp;

m n) Phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị; chi hỗ trợ tiếp thị, chi hỗ trợ chi phí, chiết khấu thanh toán; chi báo biểu, báo tặng của cơ quan báo chí liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh vượt quá 15% tổng số chi được trừ; đối với doanh nghiệp thành lập mới là phần chi vượt quá 15% trong ba năm đầu, kể từ khi được thành lập. Tổng số chi được trừ không bao gồm các khoản chi quy định tại điểm này; đối với hoạt động thương mại, tổng số chi được trừ không bao gồm giá mua của hàng hoá bán ra;

n o) Khoản tài trợ, trừ khoản tài trợ cho giáo dục, y tế, khác phục hậu quả thiên tai và, làm nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết cho người nghèo theo quy định của pháp luật và trừ khoản tài trợ theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

o) Chi phí trả lãi tiền vay vốn tương ứng với khoản vay vượt quá 4 lần vốn chủ sở hữu, riêng các tổ chức tín dụng, ngân hàng thì tỷ lệ này không quá 10 lần vốn chủ sở hữu; đối với một số ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp đã có quy định của pháp luật về tỷ lệ tối thiểu vốn chủ sở hữu trên tổng vốn đầu tư thì thực hiện theo quy định đó.

¹ Phần chữ có gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung; phần chữ có gạch ngang là nội dung đề nghị bãi bỏ.

o) Khoản tài trợ, trừ khoản tài trợ cho giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả thiên tai và làm nhà tình nghĩa cho người nghèo theo quy định của pháp luật.

3. Khoản chi bằng ngoại tệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh chi phí bằng ngoại tệ.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.

Điều 10. Thuế suất

1. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 13 của Luật này.

2. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác từ 32% đến 50% phù hợp với từng dự án, từng cơ sở kinh doanh.
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.

p) Phần trích nộp quỹ hưu trí tư nguyên, quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tư nguyên cho người lao động vượt mức quy định của Chính phủ;

q) Các khoản chi của hoạt động kinh doanh: ngân hàng, bảo hiểm, xổ số, chứng khoán và một số hoạt động kinh doanh đặc thù khác theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Khoản chi bằng ngoại tệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh chi phí bằng ngoại tệ.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này".

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

"Điều 10. Thuế suất

1. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 23% 25%, trừ trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 20%, thuế suất từ 32% đến 50% và đối tượng được ưu đãi về thuế suất quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 13-khoản 5 và khoản 6 Điều 1 của Luật này.

Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ sử dụng dưới 200 lao động làm việc toàn bộ thời gian và có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng áp dụng thuế suất 20%.

Số lao động và doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa áp dụng thuế suất 20% tại khoản này là số lao động và tổng doanh thu bình quân của 02 năm trước liền kề và được áp dụng ổn định cho mỗi giai đoạn 02 năm, kể từ năm áp dụng.

2. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí và tài nguyên quý hiếm khác tại Việt Nam từ

¹ Phần chữ có gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung; phần chữ có gạch ngang là nội dung đề nghị bãi bỏ.

<p>32% đến 50% phù hợp với từng dự án, từng cơ sở kinh doanh. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này".</p>	
	<p>Điều 11. Phương pháp tính thuế 1. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tính thuế được tính bằng thu nhập tính thuế nhân với thuế suất; trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế thu nhập ở ngoài Việt Nam thì được trừ số thuế thu nhập đã nộp nhưng tối đa không quá số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của Luật này. 2. Phương pháp tính thuế đối với doanh nghiệp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 2 của Luật này được thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>Điều 12. Nơi nộp thuế Doanh nghiệp nộp thuế tại nơi có trụ sở chính. Trường hợp doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc hoạt động tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với địa bàn nơi doanh nghiệp có trụ sở chính thì số thuế được tính nộp theo tỷ lệ chi phí giữa nơi có cơ sở sản xuất và nơi có trụ sở chính. Việc phân cấp, quản lý, sử dụng nguồn thu được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.</p> <p style="text-align: center;">Chương III ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</p>
	<p>Điều 13. Ưu đãi về thuế suất</p> <p>1. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, sản xuất sản phẩm phần mềm được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm.</p> <p>2. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường được áp dụng thuế suất 10%.</p> <p>3. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được áp dụng thuế suất 20% trong thời gian mười năm.</p>
	<p>6. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:</p> <p>“Điều 13. Ưu đãi về thuế suất</p> <p>1. Doanh nghiệp thành lập mới <u>thực hiện từ dự án</u> đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới <u>thực hiện từ dự án</u> đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, sản xuất sản phẩm phần mềm được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm.</p> <p>2. Doanh nghiệp <u>thực hiện hoạt động xã hội hoá</u> trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa), doanh nghiệp <u>thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê</u>, cho thuê mua <u>đối với các đối tượng quy định</u></p>

¹ Phần chữ có gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung; phần chữ có gạch ngang là nội dung đề nghị bãi bỏ.

<p><u>Điều 53 Luật nhà ở năm 2005, cơ quan báo chí thực hiện hoạt động báo in (kể cả quảng cáo trên báo) theo quy định của Luật báo chí, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác thực hiện hoạt động xuất bản theo quy định của Luật xuất bản được áp dụng thuế suất 10% đối với thu nhập từ các hoạt động này.</u></p> <p><u>Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các doanh nghiệp thực hiện xã hội hoá quy định tại khoản này do Thủ tướng Chính phủ quy định.</u></p> <p>3. Doanh nghiệp thành lập mới thực hiện từ đây đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, được áp dụng thuế suất 20% trong thời gian mười năm.</p> <p>4. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tín dụng là hợp tác xã, tổ chức tài chính vi mô, được áp dụng thuế suất 20%.</p> <p>5. Đối với dự án cần đặc biệt thu hút đầu tư có quy mô lớn và công nghệ cao thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài thêm, nhưng thời gian kéo dài thêm không quá mười lăm năm thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>6. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này được tính từ năm đầu tiên đầu tư phát triển doanh nghiệp có doanh thu.</p> <p>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này".</p>	<p>7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:</p> <p>“Điều 14. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế</p> <p>1. Doanh nghiệp thành lập mới thực hiện từ đây đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới thực hiện từ đây đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, sản xuất sản phẩm</p>
---	---

<p>4. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và quỹ tín dụng nhân dân được áp dụng thuế suất 20%.</p> <p>5. Đối với dự án cần đặc biệt thu hút đầu tư có quy mô lớn và công nghệ cao thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài thêm, nhưng thời gian kéo dài thêm không quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>6. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này được tính từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu.</p> <p>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.</p>	<p>Điều 14. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế</p> <p>1. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, sản xuất sản phẩm phần mềm; doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo.</p>
--	---

¹ Phần chữ có gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung; phần chữ có gạch ngang là nội dung đề nghị bãi bỏ.

phần mềm; doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực xã hội hoá giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo.

2. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được miễn thuế tối đa không quá hai năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá bốn năm tiếp theo.

3. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này được tính từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.

2. Doanh nghiệp thành lập mới thực hiện ~~từ đây~~ đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được miễn thuế tối đa không quá hai năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá bốn năm tiếp theo.

3. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 2 Điều này được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

4. Doanh nghiệp đang hoạt động có đầu tư mở rộng lắp đặt dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ sản xuất thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này được miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại khoản này bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới trên cùng địa bàn, lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động đầu tư mở rộng được miễn thuế, giảm thuế quy định tại khoản này phải đáp ứng tiêu chí về quy mô vốn đầu tư hình thành tài sản theo quy định của Chính phủ.

Phần thu nhập tăng thêm do thực hiện đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản này phải được hạch toán riêng.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại khoản này được tính từ năm hoàn thành đầu tư đưa vào sản xuất, kinh doanh có thu nhập; trường hợp

¹ Phần chữ có gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung; phần chữ có gạch ngang là nội dung đề nghị bãi bỏ.

<p><u>không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.</u></p> <p><u>Trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động có đầu tư mở rộng theo tiến độ đã ghi trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư được cấp lần đầu thì đối với phần thu nhập từ hoạt động đầu tư mở rộng, doanh nghiệp được lựa chọn hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản này hoặc hưởng ưu đãi (thuế suất, thời gian miễn thuế, giảm thuế, nếu có) cho thời gian còn lại của dự án đầu tư ban đầu</u></p> <p><u>Ưu đãi thuế quy định tại khoản này không áp dụng đối với: hoạt động đầu tư mở rộng quy định tại điểm 2 khoản 6 Điều 1 của Luật này và các trường hợp đầu tư mở rộng do nhân sắp nhập, mua lại doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư đang hoạt động.</u></p> <p>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này".</p>	
	<p>Điều 15. Các trường hợp giảm thuế khác</p> <p>1. Doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bằng số chi thêm cho lao động nữ.</p> <p>2. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bằng số chi thêm cho lao động là người dân tộc thiểu số.</p> <p>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.</p>
<p>8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 như sau:</p> <p>"2. Doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản chỉ được chuyển số lỗ vào thu nhập tính thuế của các hoạt động này sau khi đã thực hiện bù trừ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật này hoạt động chuyển nhượng bất động sản".</p>	<p>Điều 16. Chuyển lỗ</p> <p>1. Doanh nghiệp có lỗ được chuyển số lỗ sang năm sau; số lỗ này được trừ vào thu nhập tính thuế. Thời gian được chuyển lỗ không quá năm năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ.</p> <p>2. Doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản chỉ được chuyển số lỗ vào thu nhập tính thuế của hoạt động này.</p>

¹ Phần chữ có gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung; phần chữ có gạch ngang là nội dung đề nghị bãi bỏ.

Điều 17. Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.
2. Trong thời hạn năm năm, kể từ khi trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích thì doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để tính số thuế thu hồi là thuế suất áp dụng cho doanh nghiệp trong thời gian trích lập quỹ.
- Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ không sử dụng hết là lãi suất **trái phiếu kho bạc** loại kỳ hạn một năm áp dụng tại thời điểm thu hồi và thời gian tính lãi là hai năm.
- Lãi suất** tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ sử dụng sai mục đích là **lãi phạt chậm nộp** theo quy định của Luật quản lý thuế và thời gian tính lãi là khoảng thời gian kể từ khi trích lập quỹ đến khi thu hồi.
3. Doanh nghiệp không được hạch toán các khoản chi từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp chỉ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

Điều 18. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế

1. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại các điều 13, 14, 15, 16 và 17 của Luật này chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ và nộp thuế theo kê khai.
2. Doanh nghiệp phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Luật này với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh không được ưu đãi thuế; trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế được xác định theo tỷ lệ doanh thu giữa hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế trên tổng doanh thu của doanh nghiệp.
3. Việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Luật này không áp dụng đối với:

a) Thu nhập quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật này;

9. Sửa đổi Điều 18 như sau:

“1. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 1 của Luật này và các điều 13, 14, 15, 16 và Điều 17 của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 này áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ và nộp thuế theo kê khai.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 1 của Luật này không áp dụng đối với các trường hợp doanh nghiệp mới thành lập từ việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu và các trường hợp doanh nghiệp thành lập trên cơ sở hộ kinh doanh cá thể và trường hợp khác theo quy định của

¹ Phần chữ có gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung; phần chữ có gạch ngang là nội dung đề nghị bãi bỏ.

b) Thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác;

c) Thu nhập từ kinh doanh trò chơi có thưởng, cá cược theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

Chính phủ.

2. Doanh nghiệp phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 1 Điều 13 và Điều 14 của Luật này với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh không được ưu đãi thuế; trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế trên tổng doanh thu của doanh nghiệp, riêng đối với đầu tư mở rộng được xác định theo tỷ lệ giữa giá trị tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trên tổng nguyên giá tài sản cố định thực tế dùng cho sản xuất, kinh doanh.

3. Thuế suất 20% quy định tại điểm 1 khoản 5 Điều 1 của Luật này và việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 1 Điều 13 và Điều 14 của Luật này không áp dụng đối với:

a) Thu nhập quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật này từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (trừ nhà ở xã hội quy định tại khoản 6 Điều 1 của Luật này), thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; thu nhập nhận được ở ngoài Việt Nam;

b) Thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí, và tài nguyên quý hiếm khác và thu nhập từ hoạt động khai thác khoáng sản;

c) Thu nhập từ kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt kinh doanh trò chơi có thưởng, cá cược theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp khác theo quy định của Chính phủ".

¹ Phần chữ có gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung; phần chữ có gạch ngang là nội dung đề nghị bãi bỏ.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.
2. Luật này thay thế Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 09/2003/QH11.
3. Doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 09/2003/QH11 tiếp tục được hưởng các ưu đãi này cho thời gian còn lại theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 09/2003/QH11; trường hợp mức ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm cả thuế suất ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế thấp hơn mức ưu đãi theo quy định của Luật này thì được áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của Luật này cho thời gian còn lại.
4. Doanh nghiệp thuộc diện hưởng thời gian miễn thuế, giảm thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 09/2003/QH11 mà chưa có thu nhập chịu thuế thì thời điểm bắt đầu tính thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính theo quy định của Luật này và kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Quy định về chi trả lãi tiền vay vốn tại điểm o khoản 4 Điều 1 của Luật này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và áp dụng đối với các khoản vay, hợp đồng vay vốn ký từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.
2. Doanh nghiệp thuộc diện hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trước thời điểm Luật này có hiệu lực mà đến hết kỳ tính thuế năm 2013 vẫn còn trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế (thuế suất, thời gian miễn, giảm thuế) thì tiếp tục được hưởng cho thời gian còn lại theo quy định của các văn bản này; trường hợp mức ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả thuế suất ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế) thấp hơn mức ưu đãi theo quy định của Luật này thì được áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của Luật này cho thời gian còn lại.
3. Doanh nghiệp đang hoạt động có đầu tư mở rộng từ năm 2009 đến hết kỳ tính thuế năm 2013 hoặc có đầu tư mở rộng trước năm 2009 nhưng chưa được hưởng ưu đãi miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại, nếu đáp ứng các điều kiện hưởng ưu đãi thuế quy định tại Luật này thì được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật này cho thời gian còn lại kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.
4. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này. Đối với một số khoản thu nhập đặc thù phát sinh do thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp mà chưa được quy định tại Luật này thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định miễn, giảm thuế.

Điều 20. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều 4, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 18 và các nội dung cần thiết khác của Luật này theo yêu cầu quản lý.

¹ Phần chữ có gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung; phần chữ có gạch ngang là nội dung đề nghị bãi bỏ.